

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THANH NỪA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44 /QĐ-UBND

Thanh Nưa, ngày 20 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ chính sách theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT- BGDDT- BLĐTBXH –BTC, ngày 31 tháng 12 năm 2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật từ tháng 9 đến hết tháng 12 năm 2025 trên địa bàn xã Thanh Nưa.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH NỪA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT- BGDDT- BLĐTBXH -BTC, ngày 31 tháng 12 năm 2013 Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Theo đề nghị của Phòng kinh tế tại Tờ trình số 48/TTr-PKT, ngày 15 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ chính sách theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDDT-BLĐTBXH-BTC, ngày 31/12/2013 của Liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội, Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật từ tháng 9 đến hết tháng 12 năm 2025 trên địa bàn xã Thanh Nưa. (Có bảng tổng hợp và danh sách kèm theo).

Tổng số kinh phí: **59.904.000 đồng**.

(Bằng chữ: Năm mươi chín triệu chín trăm linh tư nghìn đồng chẵn).

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế tham mưu phân bổ kinh phí; phối hợp với Phòng Văn hóa – xã hội kiểm tra, theo dõi việc thực hiện chi trả chế độ. Các trường học căn cứ danh sách học sinh được phê duyệt tổ chức triển khai thực hiện, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng, đồng thời có trách nhiệm thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Nghiệp vụ 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực X, Hiệu trưởng các cơ

sở giáo dục có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT. Đảng ủy (b/c);
- TT. HĐND xã (b/c)
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Chu Văn Bách



Phụ lục 1

**PHÊ DUYỆT NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC ĐỐI VỚI
NGƯỜI KHUYẾT TẬT THEO TT 42/2013/TTLT - BGDDĐT - BLĐTBCH
TỪ THÁNG 9 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2025**

(Kèm theo QĐ số: 471/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Thanh Nua)

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Đơn vị	Số đối tượng được hưởng	Học bổng			Hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập(500.000/1 H kỳ/1HS)	Tổng kinh phí tăng thêm từ tháng 9-12 - 2025
			Mức hỗ trợ 1 người/tháng	Số tháng hỗ trợ	Kinh phí		
A	B	1	2	3	4=1x2x3	5	6
	Người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục công lập						
	TỔNG SỐ	8			59.904	-	59.904
I/	- CẤP TIỂU HỌC:	6	5.616		44.928	-	44.928
1	Trường TH Thanh Chấn	2	1.872	4	14.976		14.976
2	Trường TH Hua Thanh	3	1.872	4	22.464		22.464
3	Trường TH Thanh Hưng	1	1.872	4	7.488		7.488
III/	- CẤP THCS	2	1.872	4	14.976	-	14.976
1	Trường THCS Thanh Chấn	2	1.872	4	14.976		14.976



**TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT THEO THÔNG TƯ SỐ 42/ 2013/TTLT-BGDĐT-
BLĐTBXH-BTC, NGÀY 31/12/2013 - TỪ THÁNG 09 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2025**
(Kèm theo QĐ số: 47A /QĐ-UBND, ngày tháng 10 năm 2025 của UBND xã Thanh Nua)

ST T HS	Họ Và tên học sinh	Đối tượng	Lớp	Mức lương tối thiểu	Học bổng			Hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập(500.000/1H kỳ/1HS)		Tổng kinh phí từ T 09-12/ 2025
					Mức học bổng(80%/ 1/ tháng)	Thời gian hỗ trợ	Kinh phí	Số kỳ	Số tiền	
/	Cấp Tiểu học						44.928.000		-	44.928.000
1	TH Thanh Chấn				-		14.976.000	-	-	14.976.000
1	1 Cà Văn Thắng	Hộ nghèo	4A3	2.340.000	1.872.000	4	7.488.000			7.488.000
2	2 Ngọc Thu Hà	Hộ nghèo	4A3	2.340.000	1.872.000	4	7.488.000			7.488.000
2	TH Hua Thanh				-		22.464.000	-	-	22.464.000
3	1 Ly A Thông	Hộ nghèo	2A4	2.340.000	1.872.000	4	7.488.000			7.488.000
4	2 Ly Thị Máng Nhi	Cận Nghèo	3A1	2.340.000	1.872.000	4	7.488.000			7.488.000
5	3 Giảng Thị Sơ	Hộ nghèo	3A4	2.340.000	1.872.000	4	7.488.000			7.488.000
3	TH Thanh Hưng				-		7.488.000	-	-	7.488.000
5	1 Lường Mạnh Quang	Hộ nghèo	5A2	2.340.000	1.872.000	4	7.488.000			7.488.000
1/	Cấp Trung học cơ sở						14.976.000		-	14.976.000
1	THCS Thanh Chấn				-		14.976.000	-	-	14.976.000
7	1 Nông Quốc Tuấn Anh	Hộ nghèo	7B3	2.340.000	1.872.000	4	7.488.000			7.488.000
3	3 Lường Mạnh Quý	Hộ nghèo	9D1	2.340.000	1.872.000	4	7.488.000			7.488.000
	Tổng cộng 2 cấp:						59.904.000	-	-	59.904.000

